

Bản án số: 01/2024/HSST
Ngày: 03-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn M (tên gọi khác: **Đặng Minh Đ**, **Phan Văn P**, **Nguyễn Văn T**, **Đặng Thế H**), sinh năm 1969 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKKHKT: không; Chỗ ở hiện nay: **3 N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: **Thái Văn N** (chết); Mẹ: **Đặng Thị Á**, sinh năm 1955.

- Tiền sự: Không;

- Tiền án:

+ Ngày 05/10/1992, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, theo khoản 1 Điều 155 BLHS năm 1985 (Bản án số 139/HS-ST).

+ Ngày 25/5/1993, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, theo khoản 1 Điều 155 BLHS năm 1985 (Bản án số 13/HS-ST).

- Nhân thân:

+ Ngày 04/3/1994, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (Bản án số 20/HSST).

+ Ngày 11/5/1995, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (Bản án số 46/HSPT).

+ Ngày 17/7/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 20 năm tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, Trộm cắp tài sản của công dân, Cố ý làm hư hỏng tài sản xã hội chủ nghĩa và **T1** khỏi nơi giam. Chấp hành xong ngày 10/6/2011 (Bản án số 67/HSST).

+ Ngày 29/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 09/3/2018 (Bản án số 264/2014/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/8/2023. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: 3 N, phường V, Tp N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1963; Địa chỉ: khu phố C, phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 25/5/1993, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên tuyên phạt Đặng Văn M, sinh năm 1969, trú thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985 (Bản án số 13/HS-ST). Sau đó, Đặng Văn M chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 10/7/1993, Đặng Văn M được cho ra ngoài để lao động tự giác, lợi dụng sự sơ hở của người quản lý, M bỏ trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện T. Ngày 15/7/1993, Công an huyện T ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với Đặng Văn M về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1985. Sau khi bỏ trốn, Đặng Văn M tiếp tục phạm tội mới tại nhiều địa phương khác và khai nhiều tên khác nhau để che dấu nhân thân lai lịch và hành vi phạm tội trước đó. Ngày 19/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên bắt truy nã Đặng Văn M tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bản cáo trạng số 113/CT-VKSTH ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Đặng Văn M về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn M phạm tội “Trốn khỏi nơi giam” và áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo M với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/8/2023. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chưa chấp hành xong của bản án số 13/HS-ST ngày 25/5/1993 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt cho hai bản án.

Bị cáo Đặng Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và không trình bày tranh luận gì thêm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn T2 và ông Nguyễn Ngọc T3 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bị cáo Đặng Văn M nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Trong thời gian đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Phú Yên, ngày 10/7/1993 Đặng Văn M lợi dụng sơ hở của cơ sở giam giữ nên bỏ trốn. Sau đó Đặng Văn M bị khởi tố bị can và bị truy nã về tội “Trốn khỏi nơi giam”, đến ngày 19/8/2023 thì Đặng Văn M bị bắt theo quyết định truy nã. Hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985. Tuy nhiên, do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2018) nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì tội “Trốn khỏi nơi giam” được quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985. Do đó, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động tư pháp trong việc quản lý người bị giam, giữ phạm nhân, gây mất trật tự xã hội và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo đang chấp hành án phạt tù và biết rõ việc trốn khỏi nơi giam là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý

thực hiện. Do đó cần phải xử phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra.

Về các tình tiết tăng nặng: Ngày 25/5/1993, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trong thời gian đang chấp hành án bị cáo bỏ trốn nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, sau khi trốn khỏi nơi giam, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với nhiều tên gọi khác nhau để che dấu nhân thân lai lịch và hành vi phạm tội trước đó. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo **Đặng Văn M** bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 13/HS-ST ngày 25/5/1993, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 10/03/1993. Tính đến ngày 10/7/1993 bị cáo đã chấp hành được 04 tháng, thời gian còn phải chấp hành án là 02 tháng. Vì vậy theo quy định tại 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 cần tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 13/HS-ST ngày 25/5/1993 của TAND huyện T, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Xét mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Văn M** phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”.

Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Văn M** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 02 (hai) tháng tù của bản án số 13/HS-ST ngày 25/5/1993 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo **Đặng Văn M** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/8/2023.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Đặng Văn M** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự

sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Công an Tp. T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Tân Sang